

KẾ HOẠCH
Hoạt động và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 3233/BKHCN-KHTC ngày 18/7/2025 của Bộ Khoa học và công nghệ về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST & CDS) năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KHCN, ĐMST & CDS năm 2026 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN, ĐMST & CDS

GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHCN, ĐMST & CDS
GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KHCN, ĐMST & CDS

Trong những năm qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã quan tâm, đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN), qua đó tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Công tác chỉ đạo, điều hành đã bám sát định hướng đổi mới, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của các lĩnh vực then chốt như nông nghiệp, công nghiệp, y dược, môi trường, công nghệ thông tin và truyền thông.

Việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN đã đạt nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp địa phương. Các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả. Các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh đều bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp thiết thực vào tăng trưởng kinh tế và tạo tiền đề quan trọng để thực hiện thắng lợi các định hướng, chỉ tiêu

phát triển trong thời gian tới. Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh, huy động nguồn lực đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đề triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Vĩnh Long đã tích cực ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 (37 văn bản). Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được ban hành kịp thời, đảm bảo nội dung, yêu cầu, đồng bộ theo chỉ thị, kết luận của Trung ương, rõ ràng, cụ thể, có phụ lục với đầu việc cụ thể, phân công thời hạn các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành nhiệm vụ. Phân công cụ thể trách nhiệm của thành viên Ban Chỉ đạo, gắn kết chặt chẽ với tình hình thực tiễn cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp ủy đảng triển khai thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo kịp thời UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Vĩnh Long và tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn Đảng bộ, cụ thể tại Kế hoạch số 356-KH/TU, ngày 12/3/2025 tổ chức triển khai, quán triệt các văn bản mới của Trung ương năm 2025. Thực hiện Thông báo kết luận số 06-TB/BCĐCDS ngày 18/3/2025 tại phiên họp lần thứ hai và Kế hoạch số 11-KH/BCĐ ngày 27/3/2025 ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tỉnh Vĩnh Long đã điều chỉnh Chương trình thành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Vĩnh Long theo đúng yêu cầu của Trung ương.

Hoạt động tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các kế hoạch của Tỉnh ủy đã được các cấp, các ngành, đoàn thể chính trị, địa phương thực hiện bằng hình thức trực tiếp lẫn trực tuyến và trên nhiều nền tảng số. Qua đó, nhận thức của các cấp, các ngành về vị trí, vai trò, động lực của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có chuyển biến tích cực. Cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được rà soát, bổ sung, xây dựng mới và cụ thể hóa để thúc đẩy các thành phần kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đã được triển khai thông qua các chương trình, đề án cụ thể; xác định rõ việc cụ thể hóa, sớm đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW đi vào cuộc sống là một động lực cho tăng trưởng mới của kinh tế địa phương.

Hoạt động chuyển đổi số đã từng bước xây dựng ba trụ cột là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng. Tỉnh đã chủ động đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh đồng bộ và một số nền tảng số dùng chung, chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số và triển khai thí điểm các dịch vụ đô thị thông minh, từng bước đáp ứng yêu cầu quản trị trong bối cảnh của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN, ĐMST & CDS

a) Hoạt động khoa học, công nghệ

- Về quản lý khoa học:

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh phối hợp quản lý, triển khai 314 nhiệm vụ KH&CN, trong đó: 13 nhiệm vụ cấp nhà nước, 233 nhiệm vụ cấp tỉnh, 68 nhiệm vụ cấp cơ sở. Đã tạo ra 15 giống mới, xây dựng 274 mô hình, tạo ra 425 quy trình và giải pháp công nghệ, số giải pháp, sáng chế được công nhận từ kết quả nghiên cứu là 13 và trên 36 sản phẩm đã được thương mại hóa. Hầu hết các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN được triển khai thời gian qua đã và đang ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả, góp phần thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận những thành tựu KH&CN mới; nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều loại cây trồng, vật nuôi và các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành: Tham mưu Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN đối với hơn 285 đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương, viện, trường trong và ngoài tỉnh. Tham mưu tổ chức các Hội đồng tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện; tổ chức các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tổ chức Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

- Về quản lý công nghệ:

Về tổ chức khoa học công nghệ: giai đoạn 2021- 2025, đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho 44 tổ chức (hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm; dịch vụ khoa học và công nghệ; kinh tế - xã hội; công nghệ sinh học). Đa số các tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động theo đúng các lĩnh vực được cấp phép, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài tỉnh.

Về thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư: Giai đoạn 2021-2025 đã tham mưu, phối hợp thẩm định/có ý kiến về công nghệ cho 45 dự án đầu tư, trên địa bàn tỉnh.

b) Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Đến nay, tỉnh có 06 tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST, trong đó có 05 tổ chức thuộc cơ sở giáo dục, 01 tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập

và 14 doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động. Doanh nghiệp khoa học công nghệ không chỉ là cầu nối đưa nhanh các nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chuyển giao vào sản xuất mà còn đóng vai trò như một lực lượng sản xuất chủ lực, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp cho việc xây dựng và phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh. Doanh nghiệp KH&CN với vai trò nghiên cứu và phát triển góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và ĐMST, phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động truyền thông về ĐMST: Tập trung tuyên truyền về Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” giai đoạn 2021-2025 bằng hình thức viết tin bài, phóng sự phát trên sóng phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử đến với người dân: 120 tin và 40 bài có nội dung tuyên truyền về Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, Đài còn lồng ghép nội dung này trong các chuyên đề như: Tuổi trẻ và thời đại; Niềm tin hàng Việt với thời lượng là 15 phút/chương trình/tuần; Câu chuyện truyền thanh với thời lượng là 15 phút/chương trình/ ngày; Chuyên mục “Khởi nghiệp xanh” phát sóng hàng tuần với thời lượng mỗi chương trình 15 phút; phát trên 20 chuyên đề kinh tế để thông tin và chia sẻ các hoạt động khởi nghiệp của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đăng tải trang Web của Sở hơn 48 bản tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia phát hành hàng năm;

Hoạt động huấn luyện và đào tạo ĐMST: Tỉnh đã đào tạo cho 100% cán bộ phụ trách công tác khởi nghiệp của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các cơ sở giáo dục,... được tập huấn nâng cao nhận thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Sở phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”. Trong kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN “Xây dựng mô hình và triển khai hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Long” đã tổ chức 06 khóa tập huấn đào tạo cho các đối tượng là lãnh đạo, quản lý sở ngành; giảng viên, chuyên viên các trường đại học, cao đẳng; học sinh, sinh viên các trường THPT, đại học và cao đẳng; các tổ chức hội, đoàn thể, mỗi khóa có 40 đại biểu tham dự.

Hoạt động hỗ trợ và kết nối ĐMST: Tỉnh đã xây dựng và vận hành Không gian khởi nghiệp (Mekong Innovation Hub), thực hiện kết nối, giới thiệu 600 lượt học viên tham dự các khóa đào tạo do các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp tổ chức; hỗ trợ 04 doanh nghiệp khởi nghiệp dự lớp đào tạo khởi sự kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh do Trung tâm BSA tổ chức. Hình thành nhóm dự án khởi nghiệp nền tảng để ươm tạo doanh nghiệp ĐMST. Phối hợp Trung tâm Kỹ thuật Điện toán - Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh thực hiện lắp đặt mô hình trình diễn trí tuệ nhân tạo nhận dạng đối tượng khi ra vào khu vực cố định. Không gian ĐMST Mekong kết nối các thành tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, ưu tiên hỗ trợ và thúc đẩy cộng đồng khởi nghiệp ĐMST trong các lĩnh vực sản xuất - chế biến, công nghệ số, công nghệ thông tin, du lịch; tổ chức 04 lần ươm tạo khởi nghiệp ĐMST từ năm 2022 đến năm 2025.

Từ năm 2021 đến 2025, ước thực hiện tiếp và làm việc với hơn 3.100 dự án, ý tưởng, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp hoạt động trong tình hình mới, tư vấn nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó nổi bật nhất là chuyển đổi số và ứng dụng, phát triển công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, bằng 185% so với cùng kỳ giai đoạn 2016-2020¹. Hàng năm, tổ chức Ngày hội ĐMST tỉnh Bến Tre “BenTre Innovation Day” thu hút hơn 1.000 đại biểu tham dự các sự kiện, tham quan, kết nối, trao đổi học tập kinh nghiệm. Hỗ trợ 36 dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp và khoa học kỹ thuật, công nghệ với tổng số tiền 2.044 triệu đồng.

c) Sở hữu trí tuệ

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã hướng dẫn, hỗ trợ tra cứu nhãn hiệu cho gần 1.500 tổ chức, cá nhân tìm hiểu để đăng ký nhãn hiệu thông thường, hiện trên địa bàn tỉnh có 11 chỉ dẫn địa lý và 1.124 tổ chức, cá nhân được xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó: 22 sáng chế, giải pháp hữu ích, 74 kiểu dáng công nghiệp, 1.028 nhãn hiệu. Thực hiện cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý cho các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm bưởi da xanh, bưởi năm roi, dưa xiêm xanh, tôm càng xanh, xoài, gạo, sầu riêng, chôm chôm, cua biển, nghêu, dừa sáp.

Hàng năm, thành lập Hội đồng xét duyệt, đánh giá hiệu quả và phạm vi áp dụng sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2021 - 2025, toàn tỉnh có 1.143 sáng kiến đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Hoàn chỉnh và gửi đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

d) Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Về công tác tuyên truyền:

Đã tổ chức 24 cuộc hội thảo, tập huấn hướng dẫn thực hiện, áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ nâng cao năng suất chất lượng vào hoạt động của doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng trong sản xuất, kinh doanh và trang sức, mỹ nghệ, xăng dầu, trên địa bàn tỉnh với 1.502 đại biểu tham dự;

Tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng gửi đến 282 lượt sở ban ngành tỉnh, địa phương, các hội và doanh nghiệp, 1.500 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có liên quan nghiên cứu thực hiện bằng hình thức phát hành văn bản trên phần mềm hồ sơ công việc của tỉnh và viết tin bài tuyên truyền trên trang thông tin điện tử; lồng ghép tuyên truyền thông qua công tác kiểm tra, công tác phối hợp.

Tuyên truyền trên Báo Đồng Khởi với nội dung về tiêu chuẩn đo lường chất lượng như ghi nhãn hàng hóa; "Kiểm định đo lường phương tiện đo tiêu cự kính mắt và độ khúc xạ mắt" và “Quy định về giá bán lẻ điện sinh hoạt và kiểm

¹Giai đoạn 2016-2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp và làm việc với 1.563 doanh nghiệp, ý tưởng, dự án khởi nghiệp.

định phương tiện đo nhóm 2 đối với nhà cho thuê tháng” nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo cần hiểu để thực hiện đúng quy định.

- Công tác quản lý nhà nước về đo lường:

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” (Đề án 996) trên địa bàn tỉnh². Thực hiện khảo sát tại 110 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đánh giá hiện trạng của các doanh nghiệp cần đổi mới hoạt động đo lường và đề xuất phát triển chuẩn đo lường, danh mục phương tiện đo các loại được khuyến khích phát triển tại địa phương, đáp ứng nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác cho doanh nghiệp và thực hiện 03 đợt khảo sát tình hình hoạt động đo lường tại doanh nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động đo lường. Tổ chức 01 lớp tập huấn quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh với hơn 130 đại biểu tham dự; 04 cuộc hội nghị tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về đo lường và các nội dung liên quan của Đề án 996. Đào tạo 41 lượt công chức cấp tỉnh/huyện các văn bản pháp luật về đo lường, trang bị kỹ năng kiểm tra trong hoạt động đo lường tại địa phương. Đảm bảo công tác quản lý nhà nước về đo lường được thực hiện đúng quy định.

Tổ chức 02 đợt kiểm tra (năm 2020 và 2023) tại Trung tâm Thí nghiệm điện Vĩnh Long, kết quả Trung tâm thực hiện tốt các quy định về đo lường trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện, chuẩn đo lường. Hằng quý, đã yêu cầu 02 tổ chức (Trung tâm Ứng dụng KH-CN và Trung tâm Thí nghiệm điện Vĩnh Long) cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm báo cáo định kỳ hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, qua đó đánh giá năng lực hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo.

Công tác kiểm định đối chứng: Đề xuất kiểm định đối chứng phương tiện đo nhóm 2 của 02 tổ chức³ về Ủy ban TĐC. Tổ chức kiểm định định kỳ và khảo sát hiện trạng 138 bộ cân đối chứng đặt tại 82 chợ trên địa bàn tỉnh 02 đợt/năm; Tổ chức thu hồi, sửa chữa bộ cân đối chứng bị hư hỏng và trang bị lại các bộ cân đối chứng tại các chợ; Kiểm định cân thông dụng tại 24 chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh với hơn 1.600 cân đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường; Lắp đặt, niêm

² **Bến Tre (cũ):** 02 Kế hoạch: Kế hoạch số 3446/KH-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Bến Tre về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1264/KH-SKHCN ngày 23/8/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ Bến Tre về việc thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế” trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2023-2024. **Trà Vinh (cũ):** Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 24/07/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. **Vĩnh Long (cũ):** Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”.

³ Công ty CP cấp thoát nước Bến Tre, Công ty Điện lực Bến Tre

phong đồng hồ (công tơ) tổng cột đo xăng dầu tại 46 cơ sở kinh doanh xăng dầu với 120 phương tiện đo.

- Công tác quản lý nhà nước về chất lượng:

+ Công tác triển khai đề án xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào cơ quan hành chính, đã tham mưu văn bản nhắc nhở, hướng dẫn các cơ quan hành chính công tiếp tục duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 đạt hiệu quả. Hằng năm đều tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 53 lớp tập huấn về HTQLCL cho cán bộ, công chức các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã; Tổ chức 05 cuộc hội nghị triển khai Quyết định ban hành Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Tổ chức 14 lớp đào tạo, tập huấn áp dụng, duy trì và cải tiến phần mềm ISO điện tử phục vụ công tác xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN 9001 cho sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc Trà Vinh (cũ).

+ Hoạt động năng suất chất lượng: Đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh đến năm 2030⁴. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch⁵ để triển khai hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Đã thực hiện hoàn thành 06 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ 25 lượt doanh nghiệp. Chủ trì tổ chức, thực hiện 07 phóng sự, 01 chương trình radio nhằm tuyên truyền về nâng cao năng suất chất lượng phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Vĩnh Long. Tổ chức 03 cuộc hội nghị tuyên truyền, phổ biến các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, đặc biệt là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ

⁴**Vĩnh Long:** Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; **Bến Tre:** Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 quy định mức chi thực hiện các nhiệm vụ của địa phương thuộc Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030; **Trà Vinh:** Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 29/6/2024 quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2030.

⁵**Bến Tre:** Kế hoạch 2932/KH-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân tỉnh về thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030. **Trà Vinh:** Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 (trong đó lồng ghép Quyết định số 36/QĐ-TTg và Quyết định số 1322/QĐ-TTg vào trong kế hoạch). **Vĩnh Long:** Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 776/QĐ-UBND, ngày 05/4/2021; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (ban hành kèm theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 29/12/2023); Kế hoạch phát động phong trào thi đua nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024 - 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 20/9/2024).

thông minh vào doanh nghiệp. Tổ chức 16 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ, công chức và viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước, các cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động của các doanh nghiệp; Thực hiện tính toán chỉ số năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 – 2025.

+ Công tác Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG): đã hỗ trợ 06 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia. Kết quả: 01 doanh nghiệp đạt Giải vàng Chất lượng Quốc gia năm 2021, 01 doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2022; 02 doanh nghiệp đã được Hội đồng sơ tuyển tỉnh đề xuất với Hội đồng Quốc gia xét tặng Giải vàng Chất lượng Quốc gia năm 2024.

+ Công tác quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc (TXNG): Hệ thống quản lý chất lượng, mã số mã vạch: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh⁶; Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo và Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ⁷. Tiếp nhận 24 hồ sơ công bố hợp chuẩn và 05 hồ sơ công bố hợp quy; Hướng dẫn 07 cơ sở, doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng; Hỗ trợ 68 tổ chức, doanh nghiệp áp dụng Hệ thống TXNG, đã cung cấp mã QRcode và hỗ trợ in 200.000 tem TXNG. Tổ chức 08 lớp tập huấn về hệ thống TXNG cho các công chức sở, ngành và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông và địa phương tổ chức tập huấn "Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp dựa trên tài sản trí tuệ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm" cho khoảng 50 đại biểu tham gia; tổ chức 03 cuộc tập huấn, hướng dẫn cho lực lượng cộng tác viên bảo vệ thực vật, công chức phụ trách ở địa phương, nông dân về các văn bản, hướng dẫn thủ tục cấp, quản lý mã số vùng trồng có 63 người tham dự. Viết 02 bài tin tuyên truyền áp dụng TCVN về TXNG đăng trên bản tin KH&CN; đã phát sóng 23 tin và 3 bài về hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hóa trong chương trình thời sự trên sóng phát thanh nhằm cung cấp thông tin đến các sở, ban ngành và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Thực hiện 06 chuyên mục phóng sự về truy xuất nguồn gốc phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Vĩnh Long.

+ Công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Đã phối hợp với Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và ban hành 03 quy chuẩn kỹ

⁶ **Tỉnh Bến Tre (cũ):** Kế hoạch số 6667/KH-UBND, ngày 18/10/2022 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030. **Tỉnh Trà Vinh (cũ):** Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 19/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh triển khai thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; **Tỉnh Vĩnh Long (cũ):** Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (ban hành kèm theo Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 09/4/2021).

⁷ Trên địa bàn Bến Tre cũ.

thuật địa phương⁸: (1) 02 quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Trà Vinh; (2) Quy chuẩn kỹ thuật địa phương “Sản phẩm thạch dừa Bến Tre -Yêu cầu về an toàn thực phẩm”.

+ Công tác TBT: Hàng tuần, chọn lọc các tin, bài và bản tin liên quan đến hoạt động TBT gửi các doanh nghiệp qua hộp thư điện tử; Định kỳ hàng tháng xây dựng và phát hành 01 bản tin TBT, cập nhật khoảng 25 tin cảnh báo/tháng về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các thành viên WTO đến các doanh nghiệp thông qua bản tin TBT hàng tháng và đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan; Hàng năm phát hành Thông tin TBT 02 số/năm (200 cuốn/01 số).

d) Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Công tác cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các cơ sở X-quang chẩn đoán y tế trên địa bàn tỉnh: Theo thống kê, đến nay trên địa bàn tỉnh có 168 cơ sở y tế sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán (315 thiết bị); 07 cơ sở ngoài y tế. Trong hoạt động cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng quy trình giải quyết 09 thủ tục hành chính theo quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Các thủ tục này hiện nay đang được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ.

Việc triển khai thực hiện các quy định về ATBX được đảm bảo. Các cơ sở thực hiện khá tốt các quy định về lập báo cáo đánh giá an toàn đối với công việc bức xạ, báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ, kiểm soát chiếu xạ, kiểm xạ khu vực làm việc,... Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có nguồn phóng xạ đã qua sử dụng; an ninh nguồn phóng xạ được đảm bảo.

e) Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số

- Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số: Có khoảng 150 doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử,...); một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm, và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít.

- Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số: Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (Chương trình SMEdx) đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong tỉnh, có 39,13% doanh nghiệp tiếp cận, tham gia Chương trình.

g) Bưu chính, viễn thông, internet

⁸(1)QCĐP 01:2022/BTr theo Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 UBND tỉnh Bến Tre; (2) Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh; (3) QCĐP 02:2025/BTr, Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Bến Tre

- Về bưu chính:

Duy trì mạng bưu chính công cộng hoạt động ổn định; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính; các dịch vụ bưu chính đảm bảo thông suốt phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân và của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ, chuyển phát hàng hóa (định vị, theo dõi quy trình thư, gói kiện,...).

- Về viễn thông:

+ 100% xã, phường có hạ tầng cáp quang băng rộng; hạ tầng băng rộng cố định XGSPON đã được đầu tư triển khai đến trung tâm các xã, phường; 100% ấp khóm được phủ sóng di động 3G, 4G; triển khai đưa vào hoạt động 366 trạm BTS 5G tại một số khu vực đô thị, trung tâm xã, phường.

+ Rà soát và xác nhận sự phù hợp với Quy hoạch về xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động trên 1.000 trạm BTS cho Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam, VNPT và Viettel.

+ Chuẩn hóa thông tin thuê bao: Triển khai hiệu quả các đợt chuẩn hóa thông tin thuê bao, rà soát, triển khai các giải pháp xác thực thông tin đảm bảo thông tin thuê bao đúng theo quy định. Đến hết năm 2024, các doanh nghiệp viễn thông di động đã thực hiện rà soát, chuẩn hóa thông tin cho hơn 1 triệu thuê bao, chấm dứt cung cấp dịch vụ gần 81.000 thuê bao⁹ có thông tin không đúng quy định. Qua đó, nâng cao tỷ lệ thuê bao chính chủ, phục vụ tốt cho các dịch vụ công trực tuyến, ký số, định danh điện tử,...

+ Liên quan đến lộ trình dừng công nghệ 2G: Tăng cường truyền thông về lộ trình dừng công nghệ di động 2G và chính sách hỗ trợ thuê bao 2G Only chuyển đổi sang điện thoại 4G. Kết quả, số lượng chuyển đổi thuê bao sử dụng điện thoại 2G lên 4G đến hiện tại ước khoảng 600.000 thuê bao, đạt gần 80%.

+ Triển khai Kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông trên 500 tuyến đường, khu vực trên địa bàn tỉnh với chiều dài trên 900km; thực hiện căng chỉnh, bó gọn cáp tuyến đường vành đai, khu vực các ngã tư,... tạo mỹ quan đô thị, nông thôn và đảm bảo an toàn cho người dân.

h) Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử, Chính phủ số

100% cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn có cổng/trang thông tin điện tử; Hệ thống thư điện tử của tỉnh đã cấp phát 30.718 tài khoản; tổng số chữ ký số hiện tại là 9.880¹⁰ cho 100% cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Các Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của 03 tỉnh trước hợp nhất hoạt động ổn định phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, giải quyết thủ tục hành chính của các cấp chính quyền. Hiện tại đã hoàn thành hợp nhất các hệ thống thông tin dùng chung, cụ thể:

⁹ Trà Vinh: 10.862 thuê bao; Vĩnh Long: 8.101 thuê bao; Bến Tre: 61.985 thuê bao.

¹⁰ Đến ngày 19/8/2025: đã cấp mới, thay đổi thông tin cho 9.880 chữ ký số (trong đó 7.757 cá nhân, 2.123 tổ chức)

- Đã hoàn thành thiết lập cho cơ quan, đơn vị (bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc), với tổng số 15.391 tài khoản người dùng đang hoạt động, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; Hoàn thành kết nối liên thông gửi nhận văn bản với các cơ quan Đảng. Hệ thống phục vụ gửi nhận văn bản điện tử từ trung ương đến địa phương. Tổng số văn bản phát sinh từ ngày 01/7 đến ngày 18/8/2025: 398.160 văn bản, số lượng văn bản gửi nhận qua Trục liên thông văn bản: 18.511 văn bản.

- Đã hoàn thành thiết lập, cấu hình 2.078 thủ tục hành chính (TTHC), trong đó: 1.692 TTHC cấp tỉnh, 299 TTHC cấp xã, 87 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Tính từ ngày 01/7/2025 đến ngày 19/8/2025, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tiếp nhận 170.007 hồ sơ (trong đó 85.643 hồ sơ trực tiếp, 84.364 hồ sơ trực tuyến).

Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và Danh mục dữ liệu mở tỉnh. Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng NDXP của quốc gia.

Cổng dữ liệu mở tỉnh Vĩnh Long được vận hành tại địa chỉ <https://opendata.vinhlong.gov.vn> đã đăng tải 56 tập dữ liệu thuộc 14 lĩnh vực; thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước, địa phương trên địa bàn tỉnh để cá nhân, tổ chức, người dân và doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

Triển khai thí điểm Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, trong đó triển khai cung cấp khả năng tổng hợp, tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu, thống kê, báo cáo.

Đảm bảo kết nối thông suốt hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với hệ thống báo cáo Chính phủ, đảm bảo 100% các chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Triển khai vận hành Tổng đài 1022 có tổng cộng 172 kịch bản được xây dựng và cung cấp trên Tổng đài, với 81 nội dung thuộc 13 lĩnh vực.

i) Kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số

+ Cập nhật thông tin giá cả thị trường trên hệ thống Pmard và gửi thông tin giá cả thị trường: Cập nhật 50 thông tin giá cả các mặt hàng (Lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau củ quả các loại, trái cây, thức ăn gia súc, phân bón) lên hệ thống khuyến nông thị trường của tỉnh trên trang <https://giaca.nsvl.com.vn>. Nâng tổng số 350 thông tin. Tần suất 03 lần/tuần (Thứ 2, 4, 6).

+ Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương Vĩnh Long với địa chỉ website là <https://trade.vinhlong.gov.vn>. Tính đến nay Sàn có 484 cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cùng 2.060 sản phẩm từ thủ công mỹ nghệ, nông thủy sản, thực phẩm chế biến và đồ uống,... Trong đó tỷ lệ sản phẩm OCOP tham gia Sàn đạt 75%. Số lượng hợp tác xã trên Sàn hiện tại là 40 hợp tác xã với các mặt hàng chủ yếu là nông sản, cây ăn trái,... Sàn giao dịch

<https://trade.travinh.gov.vn> có 191 doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử của tỉnh với 881 sản phẩm; 89.832 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử Buudien.vn. Sàn thương mại điện tử Đặc sản Bến Tre với gần 73 gian hàng và 240 sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP. 100% sản phẩm OCOP được xúc tiến quảng bá thương hiệu trên nền tảng thương mại điện tử; trên 15% các sản phẩm chủ lực của các xã nông thôn mới nâng cao được kinh doanh qua kênh thương mại điện tử (Zalo, Facebook, Postmart, Shopee, Lazada, Sendo,...).Triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi số 1.000 doanh nghiệp¹¹.

+ 100% cơ quan xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số.

+ Ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông sản Vĩnh Long, cụ thể: hỗ trợ đăng tải thông tin trên Sàn giao dịch nông sản điện tử Vĩnh Long (<https://nsvl.com.vn>) có 230 sản phẩm (149 sản phẩm đạt 3 sao, 79 sản phẩm đạt 4 sao, 2 sản phẩm đạt 5 sao) với 133 chủ thể (31 hợp tác xã, 6 tổ hợp tác, 30 doanh nghiệp, 66 hộ sản xuất kinh doanh).

+ Triển khai ứng dụng eTax Mobile với hệ thống các chức năng, dịch vụ, hỗ trợ dành cho người nộp thuế là cá nhân trên phạm vi toàn quốc; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế.

+ Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số: có khoảng 150¹² doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử,...), một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm, và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít.

+ Về phát triển kinh tế số lĩnh vực du lịch: thực hiện quảng bá, giới thiệu các điểm đến du lịch tiêu biểu của tỉnh đến với du khách trong và ngoài tỉnh thông qua các hoạt động truyền thông số như thực hiện 02 phim quảng bá du lịch tỉnh Trà Vinh; đăng tải, chia sẻ khoảng 50 bài viết về du lịch lên Trang www.dulichtravinh.com.vn, Fanpage “Ẩm Thực Trà Vinh” và “Du lịch Trà Vinh” nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kịp thời theo dõi, tra cứu thông tin về các chính sách thu hút đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh; vận hành Sàn giao dịch du lịch điện tử Trà Vinh (<https://etraveltravinh.com.vn>); thực hiện số hóa di tích Đền thờ Bác Hồ với nguồn kinh phí xã hội hóa (ứng dụng công nghệ ba chiều, quét 360 độ và công nghệ thực tế ảo VR); công trình số hóa Khu di tích danh thắng quốc gia Ao Bà Om;...

+ Về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số: triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (Chương trình SMEdx) đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong tỉnh, có 39,13% doanh nghiệp tiếp cận, tham gia Chương trình.

¹¹ Quyết định 1881/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi số 1.000 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2021-2022.

¹² Trà Vinh: 74, Bến Tre: 55, Vĩnh Long: 21.

- Xã hội số

+ 100% cơ sở giáo dục, bệnh viện trên toàn tỉnh (360/360 cơ sở giáo dục; 15/15 bệnh viện) triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

+ 100% cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện khám, chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp thẻ BHYT. Đến ngày 08/5/2025 có tổng số 8.350.871 lượt tra cứu; trong đó, có 7.294.368¹³ lượt tra cứu thành công phục vụ công tác khám chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD, Căn cước, đạt tỷ lệ 86,01%¹⁴.

+ Triển khai Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử hiện có 903.646 hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt 89,94% dân số của tỉnh; nền tảng Khám chữa bệnh từ xa (Vtelehealth) cho 67 cơ sở khám chữa bệnh, có 14.143 phiên khám từ xa, cài đặt app và hướng dẫn sử dụng cho 103.056 người dân; triển khai đơn thuốc điện tử cho 149 cơ sở khám chữa bệnh.

+ Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội theo quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh là 56.731 người (trong đó: có 50.108 đối tượng bảo trợ xã hội; 6.623 đối tượng người có công). Số đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đã thực hiện rà soát đến ngày báo cáo là 56.731. Số đối tượng đã mở tài khoản lũy kế đến ngày báo cáo là 39.343 (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.867; đối tượng người có công: 6.476). Trả qua tài khoản đến ngày 09/5/2025 là 38.744/39.343 trường hợp (trong đó, đối tượng bảo trợ xã hội: 32.416; đối tượng người có công: 6.328) với tổng số tiền là 43.457.035.659 đồng, đạt tỷ lệ 98,48% trên tổng số người đã có tài khoản và đạt 68,29% trên tổng số đối tượng.

+ Đối tượng hưởng lương hưu, BHXH trên địa bàn tỉnh tổng số là: 13.579 người. Đã thực hiện rà soát đến ngày 07/5/2025 là: 13.579. Trả qua tài khoản đến ngày 07/5/2025 là: 13.059 trường hợp với tổng số tiền là 99.237.053.400 đồng, đạt tỷ lệ 96,17%.

k) Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS

Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa sự hợp tác của viện, trường, các chương trình nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, từng bước thiết lập cơ sở dữ liệu KHCN của tỉnh, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cộng đồng khoa học mở trong và ngoài nước. Tỉnh đã thực hiện ký kết Chương trình hợp tác giai đoạn 2025 – 2030 giữa Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long¹⁵.

¹³ Trà Vinh: 4.404.186 (tháng 6), Vĩnh Long: 2.890.182

¹⁴ Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 15/5/2025 của UBND tỉnh.

¹⁵Hợp tác về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Phối hợp đào tạo trình độ sau đại học; đại học hệ chính quy,

Trường Đại học Trà Vinh thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Sun Edu, Faraday-tech trong lĩnh vực đào tạo vi mạch bán dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết giữa học lý thuyết, thực nghiệm với các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế tại các doanh nghiệp, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn. Trường Đại học Trà Vinh đã mở chuyên ngành đào tạo Thiết kế vi mạch bán dẫn. Năm 2024, nhà trường tuyển mới 350 sinh viên thuộc các nhóm ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện - điện tử và Tự động hóa, trong đó khoảng 10% sẽ được định hướng chuyên sâu theo ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn.

Ngoài ra, tỉnh còn phối hợp các cơ quan, đơn vị, viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức Diễn đàn Mekong về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lần thứ I, các lớp đào tạo trí tuệ nhân tạo, hội thảo chuyên ngành về vi mạch, bán dẫn,...

1) Hoạt động sự nghiệp KH&CN, ĐMST & CDS

Hoạt động dịch vụ sự nghiệp công được mở rộng, phát triển theo chức năng nhiệm vụ theo đề án hợp nhất các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở KH&CN, đã triển khai thực hiện 26 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và cơ sở; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ được triển khai rộng rãi trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Trung tâm đã tổ chức trên 30 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật, thực hiện 59 mô hình ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp như EM, trồng cây ăn trái, phân hữu cơ, ứng dụng giá thể hữu cơ vi sinh, hệ thống tưới thông minh, trồng rau màu, cây ăn trái, nấm bào ngư,... cho bà con nông dân; chuyển giao công nghệ nhân giống In Vitro cây chuối và hoa kiểng cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Sóc Trăng. Chuyển giao công nghệ nhân giống In Vitro cây chuối cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Bình Phước. Bên cạnh đó, đơn vị cũng đã thực hiện kiểm định 366.486 phương tiện đo các loại; kiểm nghiệm - phân tích 7.656 mẫu với 23.516 chỉ tiêu kiểm định 194 máy X-quang, kiểm xạ 262 phòng; sản xuất và cung cấp thường xuyên cho thị trường sản phẩm nấm Linh chi, nấm Đông trùng hạ thảo, rượu linh chi, rượu đông trùng hạ thảo, chế phẩm sinh học (nấm xanh, EM, compost, trichoderma, phân hữu cơ sinh học, đất sạch, mật rỉ đường, bột xử lý nước), cấp 277.392 túi phôi nấm bào ngư, linh chi; 577.759 gói bột xử lý nước; 188,35 tấn giá thể hữu cơ vi sinh;

văn bằng 2, vừa làm vừa học và đào tạo ngắn hạn, tập huấn bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho cán bộ, quản lý, phân tích và thực thi chính sách ở các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý liên quan.

Hợp tác về nghiên cứu phát triển: Phối hợp thực hiện các nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Hợp tác tư vấn về chính sách: Phối hợp đề xuất, thực thi, triển khai và đánh giá hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; kiến nghị cấp trung ương các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hợp tác về phân biện chính sách: Phối hợp tham gia và phân biện các chính sách do Đảng và Chính phủ ban hành liên quan đến tỉnh Vĩnh Long; các chính sách do địa phương ban hành nhằm giải quyết các vấn đề của địa phương; các chính sách và các chương trình nghiên cứu do các tổ chức, cá nhân khác đề xuất, thực hiện liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

20.000 cây ốt giống,... Hoạt động ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng cho nông dân trong ứng dụng khoa học công nghệ, hình thành các mô hình sản xuất hiệu quả, có khả năng nhân rộng tại nhiều địa phương; tạo tiền đề phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hoạt động thông tin và thông kê KH&CN đã góp phần tích cực trong việc lan tỏa tri thức, hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chính sách KH&CN tại địa phương. Nội dung thông tin tuyên truyền ngày càng thiết thực, hình thức thể hiện phong phú, đa dạng như: thực hiện chuyên mục KH&CN trên Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh Truyền hình Bến Tre, Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; biên soạn, phát hành nhiều tài liệu chuyên môn như kỹ yếu ứng dụng nhiệm vụ KH&CN, sổ tay phổ biến kết quả nghiên cứu, tài liệu khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, phục vụ nhu cầu tra cứu, học tập và tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân quan tâm; điều tra hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, điều tra tiềm lực KH&CN, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện tra cứu, rà soát trùng lặp trong các phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả trong triển khai.

Giai đoạn 2021–2025, Vĩnh Long đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, góp phần cải cách hành chính, phát triển kinh tế số, nâng cao chất lượng dịch vụ công và bảo đảm an toàn thông tin. Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng LGSP, các hệ thống và cơ sở dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu, cổng dữ liệu mở, thiết bị IoT. Trung tâm còn phụ trách xây dựng nội dung số, truyền thông số, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, đặc biệt là nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố thông minh và đảm bảo sự phát triển về khoa học công nghệ, chuyển đổi số của tỉnh; phối hợp các trường, đơn vị đào tạo tổ chức ôn và tổ chức thi và cấp chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản cho hơn 2.200 học viên theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phối hợp với Viện Đào tạo Quốc tế thuộc Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn chương trình đào tạo chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy hoạt động

Sau sắp xếp, cơ cấu tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ, gồm có:

- Giám đốc và 09 Phó Giám đốc;

- 4 Phòng Chuyên môn¹⁶: kết quả sau sắp xếp, giảm được 10 đầu mối lãnh

¹⁶ Văn phòng: 19 biên chế công chức (Chánh Văn phòng, 05 Phó Chánh Văn phòng, 13 chuyên viên theo vị trí việc làm) và 11 hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Phòng Khoa học Công nghệ: 15 biên chế công chức (Trưởng Phòng, 04 Phó trưởng phòng, 10 chuyên viên theo vị trí việc làm); Phòng

đạo (02 Giám đốc, 08 trưởng phòng), giám bộ máy Thanh tra Sở (chuyển về Thanh tra tỉnh); các phòng đáp ứng các tiêu chí thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ¹⁷.

Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, gồm: Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số: số người làm việc 68 người; Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ: số người làm việc 65 người. Sau sắp xếp giảm được 02 Giám đốc; tổ chức bộ máy đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

b) Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, nhân lực:

Về nguồn nhân lực, tỉnh có 04 trường đại học, 02 phân hiệu đại học, 08 trường cao đẳng. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển, triển khai KHCN, ĐMST và CDS, đặc biệt một số trường có xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu. Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian) đạt 9,61 người trên một vạn dân. Đa số các cán bộ nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, với hơn 704 tiến sĩ, 1.444 thạc sĩ. Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long - UEH Mekong, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Trường Đại học Cửu Long, Trường Đại học Trà Vinh đã xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo và đưa vào hoạt động.

Tỉnh đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các trường Đại học trong và ngoài tỉnh như: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; Đại học Quốc gia TP. HCM, Đại học Kinh tế TP. HCM, Trường Đại học Cửu Long, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Trường Đại học Xây dựng Miền Tây... đã liên kết, ký kết thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, các trường đại học trên địa bàn tỉnh và Hội An toàn Thông tin (ATTT) Việt Nam (VNISA), Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT); ký kết hợp tác chiến lược về chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone. Từ đó tạo điều kiện cho việc thúc đẩy

Đổi mới sáng tạo: 15 biên chế công chức (Trưởng Phòng, 04 Phó trưởng phòng, 10 chuyên viên theo vị trí việc làm); Phòng Chuyển đổi số: 20 biên chế công chức (Trưởng Phòng, 05 Phó trưởng phòng, 14 chuyên viên theo vị trí việc làm); Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 16 biên chế (Chi cục trưởng, 04 Phó Chi cục trưởng, 11 chuyên viên theo vị trí việc làm).

¹⁷ Cụ thể, đáp ứng về cơ cấu sở pháp lý; đáp ứng các tiêu chí thành lập theo quy định của pháp luật; có phạm vi, đối tượng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực hoặc lĩnh vực quản lý nội bộ của tổ chức hành chính; có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính khác; đối với Chi cục có khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 12 biên chế công chức; đối với phòng có khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức. Đội ngũ công chức chuẩn hoá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bộ máy đi vào hoạt động ổn định, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Toàn tỉnh có 2.685 tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) (trên cơ sở số lượng tổ CNSCĐ đã được thành lập của 3 tỉnh trước sáp nhập) với 18.989 thành viên. Doanh nghiệp VNPT địa phương¹⁸ và 51 cán bộ Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ điều phối chung. Tỉnh đã tổ chức nhiều lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ CNSCĐ, người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh, các cơ sở giáo dục, đào tạo các kiến thức về CDS, nền tảng số, kỹ năng số, an toàn thông tin, thương mại điện tử và các nội dung khác liên quan đến CDS của các ngành, lĩnh vực.

Tỉnh đã tổ chức 60 lớp tập huấn với 3.358 người tham dự theo hình thức vừa trực tiếp vừa trực tuyến liên quan lĩnh vực chuyển đổi số¹⁹. Tỉnh đã tổ chức chương trình tập huấn Bình dân học vụ số: “Ứng dụng AI dành cho cán bộ, công chức và viên chức tỉnh Vĩnh Long”, gần 700 học viên là lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh; cán bộ UBND cấp xã; lãnh đạo cấp trưởng, phòng, ban, đơn vị chuyên môn, tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thông tin đại chúng tham gia lớp học. Các học viên được chuyên gia giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số; tổng quan về trí tuệ nhân tạo AI và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước; ứng dụng trong quản lý hành chính và dịch vụ công; tự động hóa và các vấn đề cần lưu ý. Bên cạnh đó, lớp học còn có phần trao đổi, thảo luận trực tiếp giúp học viên tăng tính tương tác, thực hành hiệu quả.

Tổ chức các đợt đào tạo, tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các sở ngành tỉnh, UBND xã, lãnh đạo phòng/trung tâm xã và chuyên viên các phòng chuyên môn, phụ trách văn thư, tiếp nhận hồ sơ TTHC của 124 xã, phường sau sắp xếp tổ chức, với hơn 4.351 lượt CCVC tham dự, phục vụ công tác thiết lập, vận hành thử nghiệm và chính thức chính quyền 02 cấp và hợp nhất 03 tỉnh vào ngày 01/7/2025. Qua đó, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, kỹ năng phối hợp, giải quyết công việc trong bối cảnh, bộ máy hành chính được sắp xếp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Các nội dung tập huấn xoay quanh việc hướng dẫn cán bộ, công chức cấp xã sử dụng các phần mềm, ứng dụng dùng chung, phục vụ công việc sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh, chữ ký số phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Đơn vị chuyên trách về chuyển đổi số của Tỉnh ủy là Phòng Cơ yếu - CNTT, thuộc Văn phòng Tỉnh ủy được bố trí biên chế đầy đủ; năng lực cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ từ đại học trở lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Về tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo:

¹⁸ Bến Tre, Trà Vinh bố trí 2 nhân sự/xã cho 89 xã phường, Vĩnh Long bố 88 nhân sự hỗ trợ 35 xã.

¹⁹ Trong đó: có 13 khóa đào tạo trên nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCS) với 329 học viên; 03 lớp đào tạo (năng suất chất lượng, hệ thống quản lý chiến lược) với 53 người tham dự; 02 lớp đào tạo nâng cao nhận thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo với 482 người tham dự; 12 lớp hướng dẫn sử dụng tên miền quốc gia.vn với 1.484 người tham dự; 30 lớp tập huấn hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Hệ thống thông tin QL văn bản và điều hành với 1.010 người tham dự.

Tỉnh đã và đang tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực; Xây dựng nền tảng đào tạo, giáo dục trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, trang bị thiết bị giáo dục trực tuyến đặc biệt là khối giáo dục trung học, thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giảng viên, giáo viên các cấp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Phối hợp với trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, triển khai Tập huấn “Giảng dạy STEM” cho giáo viên và học sinh các trường trung học tỉnh Vĩnh Long về công tác hướng nghiệp các lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo, định hướng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ cho giáo viên khi tổ chức dạy học và các hoạt động STEM trong lĩnh vực robot, trí tuệ nhân tạo, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, giáo viên còn làm đồ dùng dạy học phù hợp với giáo dục STEM phục vụ các môn học; nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực tự nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng; Nâng cao năng lực nghiên cứu, sáng tạo của học sinh. Các trường đại học, cao đẳng đều có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ sau đại học đạt trên 60%. Đội ngũ giảng viên có trình độ, năng lực đáp ứng tốt việc đào tạo đội ngũ sinh viên, học viên. Sinh viên, học viên tốt nghiệp tại các trường cao đẳng, đại học có đủ kiến thức, năng lực đáp ứng nhu cầu công việc của địa phương và khu vực.

Các nền tảng trực tuyến được tỉnh đẩy mạnh triển khai trong đào tạo, tập huấn, các cuộc thi trực tuyến như tổ chức khóa học trực tuyến “Đạo đức về AI”, đã có 380 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, các địa phương, Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long, các trường đại học, cao đẳng tham gia và có chứng nhận hoàn thành khóa học (phối hợp Viện Công nghệ Blockchain và Trí tuệ nhân tạo ABAIL); Cuộc thi trực tuyến trên Internet tìm hiểu 50 năm Ngày giải phóng tỉnh Vĩnh Long, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/2075 – 30/4/2025) theo Kế hoạch số 05-KH/BTGDVTU, ngày 13/3/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

Hàng năm, tổ chức các cuộc thi trực tuyến để tìm hiểu về đổi mới khoa học công nghệ và chuyển đổi số, các cuộc thi sáng tạo như “Công dân số”, “Sáng kiến đổi mới sáng tạo”, Hội thi “Sáng tạo kỹ thuật Trần Đại Nghĩa”, Cuộc thi “Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng” để khuyến khích tinh thần học hỏi, sáng tạo và áp dụng công nghệ trong thực tiễn.

c) Đánh giá kết quả phát triển hạ tầng KH&CN

Tỉnh đã quan tâm tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Về nguồn lực đầu tư:

Tiếp tục thực hiện rà soát, tổng hợp đề xuất các nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí từ các cơ quan, đơn vị; phân đầu tỷ lệ ngân sách nhà nước bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số so với tổng chi ngân sách đạt chỉ tiêu $\geq 1\%$ (theo Công văn số 01-CV/BCĐTW, ngày 25/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số). Hướng đến tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị tập trung triển khai thực hiện đảm bảo kinh phí được giao.

Tỉnh đã tiếp nhận khoản viện trợ thực hiện dự án “Hỗ trợ phổ cập kỹ năng số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” là 5.249.402.531 đồng (Năm tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai nghìn năm trăm ba mươi một đồng) do tổ chức The Dariu Foundation (Quỹ Dariu/Thụy Sỹ) viện trợ không hoàn lại 100% kinh phí thực hiện phi dự án (Quyết định số 936/QĐ-UBND, ngày 16/5/2025 của UBND tỉnh).

- Về hạ tầng số, dữ liệu số:

Tỉnh đã hợp tác với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, trong đó có xây dựng cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tăng cường đầu tư hạ tầng mạng lưới bảo đảm chất lượng, đặc biệt là dịch vụ mạng di động 4G đạt 100%; đã triển khai đưa vào hoạt động 356 trạm BTS 5G, chiếm 8,46% tổng số trạm BTS 4G trên địa bàn tỉnh²⁰.

Thực hiện hỗ trợ triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp, 03 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long đã phối hợp rà soát, cập nhật, tổ chức nền tảng số, hệ thống thông tin và điều chỉnh, hợp nhất hạ tầng kỹ thuật (Kế hoạch số 46/KHPH-SKHCHN-BT-TV-VL, ngày 23/5/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ). UBND tỉnh thống nhất chủ trương hợp nhất 03 Trung tâm dữ liệu của 03 tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long (Công văn số 4881/UBND-VX, ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh). Thống nhất chọn 12 hệ thống thông tin (trong số các hệ thống 3 tỉnh đều có triển khai) để tổ chức lại thành hệ thống thông tin dùng chung cho tỉnh Vĩnh Long sau hợp nhất gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (2) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; (3) Hệ thống thư điện tử; (4) Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP); (5) Hệ thống phân giải tên miền (DNS); (6) Nền tảng dành cho người dân, doanh nghiệp; (7) Hệ thống kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; (8) Hệ thống cổng dữ liệu mở của tỉnh; (9) Hệ thống trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC); (10) Hệ thống hội nghị truyền hình; (11) Hệ thống họp trực tuyến; (12) Cổng thông tin điện tử. (Công văn số 4627/UBND VX, ngày 13/6/2025 và Công văn số 4719/UBND VX, ngày 14/06/2025).

- Tỉnh đã hoàn thành tập huấn, hướng dẫn sử dụng về chuyển đổi số theo hướng thực chiến, tập trung vào kỹ năng vận hành các hệ thống cụ thể và xử lý quy trình nghiệp vụ mới cho các nhân sự của 35 xã, phường mới (12 lớp -1.671 học viên tham dự trong khoảng thời gian từ ngày 19 đến ngày 26/6/2025).

Cổng dữ liệu mở tỉnh được vận hành thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của cơ quan nhà nước, địa phương trên địa bàn tỉnh để cá nhân, tổ chức,

²⁰ Trạm BTS 5G: Vĩnh Long (143 trạm, 11%); Bến Tre (81 trạm, 4,73%); Trà Vinh (132 trạm, 9,64 %)

người dân và doanh nghiệp khai thác, sử dụng²¹. Tỉnh đã triển khai thí điểm kho dữ liệu dùng chung. Triển khai xây dựng thư viện số, bảo tàng số của tỉnh; Cổng du lịch thông minh kết hợp nền tảng trang Facebook, Youtube, Zalo... Các ngành đã tập trung triển khai, khai thác có hiệu quả các phần mềm, CSDL chuyên ngành góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành²².

Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long đã thực hiện xây dựng và triển khai các đề án chuyển đổi số, đầu tư và tập trung hoàn thiện các dự án kỹ thuật trọng điểm; làm cơ sở để phát triển hạ tầng nội dung số trở thành Trung tâm nội dung số hàng đầu trong khu vực, trong đó tập trung áp dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), khai thác dữ liệu lớn (big data) để phát triển hệ sinh thái số về truyền thông và giải trí, kết hợp thương mại điện tử, quảng cáo số để tăng nguồn thu và thúc đẩy khai thác nội dung trên các nền tảng mạng xã hội và OTT trong lĩnh vực phát thanh và truyền hình"; Xây dựng dự án Hệ thống lưu trữ trung tâm (Data Center) với hạ tầng CNTT tập trung, cung cấp khả năng lưu trữ, xử lý, bảo vệ và quản lý dữ liệu một cách hiệu quả, là bước quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số giúp tối ưu hóa hệ thống CNTT và nâng cao năng lực cạnh tranh phục vụ tốt nhiệm vụ tuyên truyền của cơ quan báo chí.

d) Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã bước đầu tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động và cách tiếp cận của các cấp, các ngành. Nhiều chủ trương lớn được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động tại địa phương.

- Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia:

Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã tổ chức triển khai quán triệt cho cán bộ chủ chốt các cấp bằng hình thức trực tuyến kết nối với hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các cấp ủy địa phương, đơn vị tiếp tục tổ chức các hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt chưa được tham dự Hội nghị trực tuyến toàn quốc; đồng thời tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

²¹ Vĩnh Long: <https://opendata.vinhlong.gov.vn>; Trà Vinh: <https://opendata.travinh.gov.vn>

²² Triển khai nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); Hệ thống thư điện tử; CSDL chuyên ngành; Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); Phần mềm quản lý đất đai (VILIS 2.0 và VBDLIS); Phần mềm quản lý người có công; Phần mềm quản lý giấy phép lái xe; Phần mềm quản lý biên lai; Phần mềm quản lý ngân sách đầu tư; Phần mềm quản lý tiền lương; Hệ thống hợp không giấy; Hệ thống thông tin báo cáo; CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp; Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; CSDL về giá; Hệ thống thông tin nguồn; Hệ thống đánh giá xếp hạng CDS của tỉnh; Hệ thống giám sát an ninh trật tự qua camera; Phần mềm Quản lý CBCCVC; Hệ thống chấm điểm cải cách hành chính; Phần mềm thi đua khen thưởng; Hệ thống truyền hình trực tuyến; Cổng du lịch thông minh; Phần mềm quản lý bệnh viện HIS; Hồ sơ sức khỏe; Phần mềm khám chữa bệnh từ xa; Hệ thống chẩn đoán hình ảnh tự động; Bệnh án điện tử EMR,...

Thực hiện hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương²³, ngày 22/01/2025, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đã ban hành các hướng dẫn tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các cấp, các ngành, đoàn thể chính trị, địa phương đã đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW bằng nhiều hình thức, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số để tuyên truyền sâu, rộng trong Nhân dân.

Báo Vĩnh Long, Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long đã triển khai nhiều nội dung tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như: thực hiện phát thanh 02 chuyên đề “Chuyển đổi số”, “Khoa học công nghệ và đời sống” với 28 chương trình, 250 tin, 65 bài phản ánh, phỏng vấn, phát biểu; Chương trình thời sự trên sóng truyền hình có 128 tin, 29 bài tuyên truyền phổ biến các nền tảng số quốc gia, phản ánh việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực của tỉnh; phát triển khoa học công nghệ tại các địa phương trong tỉnh; các chương trình, dự án khoa học công nghệ, thương mại điện tử của tỉnh, các chính sách hỗ trợ phát triển thương mại điện tử,...; xây dựng chương trình Chuyển đổi số, thời lượng 15 phút, phát sóng lúc 19h45 phút, mỗi tháng phát 02 kỳ vào thứ Hai tuần thứ 2 và tuần thứ 4 hàng tháng để phản ánh các tin hoạt động chuyển đổi số của tỉnh và quốc gia; Báo in và Báo điện tử đã đăng 140 tin, bài, 80 ảnh về các nội dung: Thành lập 105 đội hình “Bình dân học vụ số”; Sớm đưa Nghị quyết số 57 vào cuộc sống tạo động lực tăng trưởng kinh tế; Nghị quyết 57 - Đột phá vì khát vọng phát triển; Tìm phương án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Vĩnh Long; Cần tư duy đột phá phát triển khoa học, công nghệ; Xây dựng dữ liệu, hoàn thiện hạ tầng chuyển đổi số; Thuận tiện thanh toán không dùng tiền mặt,...

Tỉnh ủy Vĩnh Long và Đài Truyền hình Việt Nam đã phối hợp tổ chức thành công Diễn đàn Mekong về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lần thứ I với chủ đề: “Truyền hình và công nghiệp văn hóa” với 300 đại biểu tham dự. Các tham luận đã chỉ rõ tác động mạnh mẽ của các nền tảng xã hội. Ngành Phát thanh và Truyền hình đang chuyển mình mạnh mẽ với OTT, Podcast, Radio online cùng các mô hình kinh doanh mới,...; đặc biệt, vai trò quan trọng của AI và Big Data đã giúp cá nhân hóa nội dung, tối ưu hóa quảng cáo.

Qua triển khai quán triệt, tuyên truyền đã nâng cao nhận thức, tạo sự đột phá về đổi mới tư duy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các thành phần kinh tế và Nhân dân, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong thời kỳ mới, trong phát triển kinh tế - xã hội, trong sản xuất - kinh doanh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

²³ Hướng dẫn số 186-HD/BTGTW, ngày 10/01/2025 của Ban Tuyên giáo Trung ương về quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

+ Nhằm khuyến khích và thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và các địa phương vừa triển khai thực hiện vừa rà soát hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về KHCN, ĐMST và CDS, trong đó chú trọng đến việc xây dựng thể chế vượt trội và chấp nhận rủi ro trong hoạt động KHCN, ĐMST và CDS theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

+ Hiện tỉnh đang tiếp tục thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh như: Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030; Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; các nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; nghị quyết quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ,...

+ Tỉnh đã ban hành kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 nhằm kịp thời phát hiện các văn bản không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo, trên cơ sở đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành; hiện nay các sở, ban, ngành, địa phương đang triển khai thực hiện. Tỉnh đã ban hành, triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, qua đó, góp phần thực hiện công tác đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường²⁴.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh:

+ Công tác chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

+ Về chuyển đổi số:

Trong lĩnh vực Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ số, tỉnh đã duy trì, cập nhật thực hiện kết nối, chia sẻ 22/24 (91,67%) dịch vụ dữ liệu (hệ thống thông tin/CSDL quốc gia) giữa Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Đồng thời, tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 (Quyết định số 427/QĐ-UBND, ngày 14/3/2025) với mục tiêu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn

²⁴ Vĩnh Long: Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 15/4/2025; Bến Tre: Kế hoạch số 2298/KH-UBND ngày 07/4/2025; Trà Vinh: Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 16/4/2025.

tỉnh tuân thủ theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Long đã được ban hành. Đảm bảo duy trì các kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

Hệ thống thông tin Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đảm bảo vận hành thông suốt, ổn định; phục vụ tốt công tác luân chuyển và xử lý văn bản điện tử giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương và trung ương. 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn có cổng/trang thông tin điện tử. Duy trì tỷ lệ 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh trong xử lý công việc; thực hiện đăng ký, duy trì sử dụng tài khoản email công vụ.

Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long đã đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số từ năm 2003. Kết quả: Phần mềm quản lý nội dung (AMS); Kho thông tin đa phương tiện (video, audio); phần mềm quản lý văn bản IOffice, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm kế toán, phần mềm kiểm duyệt tin bài; Triển khai họp trực tuyến cho các phòng và lãnh đạo cơ quan; kết nối hội nghị trực tuyến với điểm cầu Tỉnh ủy và Trung ương; Trang thông tin điện tử <https://thvli.vn>; Ứng dụng OTT: <https://thvli.vn>, <https://audio.thvli.vn>; nhiều kênh trên Mạng xã hội...

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã hoàn thành cơ bản việc phối hợp với cơ quan cấp trên trong việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và chuyển đổi số trong trên môi trường mạng nội bộ; khai thác và quản lý tốt đường truyền số liệu chuyên dùng. Tập trung hoàn thiện và cập nhật cơ sở dữ liệu số nội bộ của Bộ Quốc phòng; cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về ứng dụng công nghệ số; đồng thời, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chiến lược chuyển đổi số ngành Quân sự đến năm 2030, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành trong kỷ nguyên số.

Tỉnh đã triển khai ứng dụng Nền tảng số nông dân Việt Nam của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, hỗ trợ nông dân tiếp cận với các thông tin, dịch vụ, những kiến thức về công nghệ mới nhất giúp nông dân làm quen với việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số để quản lý sản xuất; nền tảng này sẽ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, từ khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch đến tiêu thụ sản phẩm, theo dõi thị trường và quảng bá sản phẩm, kết nối toàn diện từ nhà nông - nhà khoa học - doanh nghiệp - Chính phủ.

+ Về nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh: hoàn thành thiết lập, cấu hình 2.075 TTHC, trong đó: 1.680 TTHC cấp tỉnh, 305 TTHC cấp xã, 90 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã. Hệ thống được vận hành thông suốt, góp phần phục vụ tốt cho công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và thực hiện quản lý tập trung, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, hiệu quả và tiết kiệm. Hoàn thành kết nối Cổng DVCQG, tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp lên Cổng DVCQG: 1.498.

Hệ thống quản lý nhà trường đến tất cả các cơ sở giáo dục; dữ liệu kết nối

liên thông với hệ thống CSDL của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã triển khai thực hiện hồ sơ điện tử đến 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

Triển khai sử dụng phần mềm khám chữa bệnh và phần mềm xét nghiệm đạt tỷ lệ 100%; các bệnh viện, cơ sở y tế đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%; triển khai đơn thuốc điện tử đạt 100%; các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục duy trì nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa, triển khai bệnh án điện tử.

+ Về triển khai các nhiệm vụ Đề án 06:

Tỉnh đã triển khai thực hiện 12/13 dịch vụ công thiết yếu²⁵.

Đối với các nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, tỉnh đã triển khai: khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD, Căn cước gắn chip tích hợp BHYT tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh; Thực hiện trả qua tài khoản cho đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ 98,48% trên tổng số người đã có tài khoản và đạt 68,29% trên tổng số đối tượng; Thực hiện trả qua tài khoản cho đối tượng hưởng lương hưu, BHXH đạt tỷ lệ 96,17%; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại 100% cơ sở giáo dục và cơ sở y tế.

Đối với nhóm phục vụ phát triển công dân số: Trên 98,5% người đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đã được cấp thẻ Căn cước công dân²⁶; thu nhận, kích hoạt 2.458.671 tài khoản định danh điện tử²⁷.

Về hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư: Làm sạch dữ liệu dân cư: Công an tỉnh đã hoàn thành hết các nhóm chỉ tiêu làm sạch do Cục C06 giao; Dữ liệu BHYT, BHXH: hệ thống quản lý người tham gia BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh đã xác thực, đồng bộ thành công với CSDL quốc gia về dân cư tổng số đạt tỷ lệ 99,77%²⁸.

Thúc đẩy hình thành xã hội số, phát triển nền tảng ứng dụng số phục vụ người dùng:

Trong lĩnh vực Kinh tế số và Xã hội số, tỉnh đã ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2025²⁹; các mặt hàng nông sản của tỉnh được cập nhật thông tin giá cả các mặt hàng³⁰ lên hệ thống khuyến nông thị trường của tỉnh trên trang <http://giaca.nsvl.com.vn>. Thường xuyên cập nhật tin nhắn về giá trên nhóm Zalo giá cả thị trường Vĩnh Long. Sàn giao dịch nông sản Vĩnh Long (<http://nsvl.com.vn>): theo dõi hỗ trợ cập nhật

²⁵ 01 dịch vụ công “Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình phạt nguội” chưa triển khai thực hiện được, do chưa lắp đặt đầy đủ thiết bị ghi hình đảm bảo điều kiện hoạt động.

²⁶ Vĩnh Long (100%), Bến Tre (97%), Trà Vinh (khoảng 98,5%)

²⁷ Vĩnh Long: 834.873 tài khoản, Bến Tre: 997.600 tài khoản, Trà Vinh: 626.198 tài khoản

²⁸ Vĩnh Long: 974.875 người/975.848 trường hợp, Bến Tre: 1.233.728/1.236.309 trường hợp, Trà Vinh: 891.414/894.155

²⁹ Kế hoạch số 28/KH-UBND, ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh

³⁰ Gồm các mặt hàng: Lúa gạo, thủy sản, chăn nuôi, rau củ quả các loại, trái cây, thức ăn gia súc, phân bón; tần suất 3 lần/tuần (thứ 2, 4, 6).

thông tin cho hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất và hộ sản xuất đăng ký bán qua Sàn.

Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp: Triển khai ứng dụng Smart Vinh Long giúp kết nối người dân với chính quyền. Ứng dụng cho phép người dân tra cứu các tiện ích cơ bản như: thủ tục hành chính, y tế, giáo dục, truyền thông cảnh báo, dịch vụ phản ánh hiện trường, du lịch,... Ngoài ra, người dân có thể gửi phản ánh, kiến nghị trên ứng dụng đến cơ quan chức năng để tiến hành tiếp nhận, xử lý và theo dõi tiến độ xử lý các phản ánh. Trong 6 tháng đầu năm 2025, hệ thống đã tiếp nhận 92 phản ánh, kiến nghị của người dân (đã xử lý: 78 phản ánh; đang xử lý: 14 phản ánh). Đồng thời, ứng dụng còn cung cấp 283 thông tin về tin tức, cảnh báo thời tiết, thiên tai, truyền thông chính sách, truyền thông quảng bá; 03 banner tuyên truyền.

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch từng bước triển khai số hóa dữ liệu ngành về di tích, lễ hội, thư viện, thể thao thành tích cao và tài nguyên du lịch; Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh bước đầu ứng dụng công nghệ tương tác ảo (VR/AR) trong trưng bày phục vụ khách tham quan.

Tỉnh tiếp tục triển khai ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực: ngành nông nghiệp (tưới tiêu tự động); ngành khoa học và công nghệ (hệ thống quản lý thiết bị IoT, kết nối thiết bị IoT phục vụ giám sát camera); Vận hành thử nghiệm trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC.

Ngành khoa học và công nghệ đã tổ chức Hội nghị trao đổi, rà soát, lựa chọn các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2025 (từ 87 nhiệm vụ đề xuất của các cơ quan, đơn vị), với sự tham dự của các nhà quản lý, nhà khoa học và doanh nghiệp công nghệ số. Kết quả, UBND tỉnh đã công bố danh mục 09 bài toán lớn cần tập trung giải quyết trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (Công văn số 3552/UBND-VX, ngày 13/5/2025).

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp:

+ Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Tỉnh ủy đã chỉ đạo quyết liệt, giao các sở, ngành liên quan triển khai nhiều nhiệm vụ cụ thể nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh và hợp tác xã - coi đây là một trong những động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

+ Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã xây dựng chuyên mục hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tìm kiếm, tra cứu thông tin tại địa chỉ <https://thongtindoanhngiep.vinhlong.gov.vn>. Tỉnh đã tổ chức tập huấn kỹ năng số, hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch quảng bá sản phẩm trên sàn thương mại điện tử và mạng xã hội; khuyến khích sử dụng các công cụ quản trị số trong kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành.

+ Không gian ĐMST Mekong Innovation Hub, là nơi kết nối, hỗ trợ, thúc

đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa ươm tạo, tăng tốc, hình thành mạng lưới hỗ trợ DMST cho các doanh nghiệp liên kết các địa phương trong khu vực và hợp tác quốc tế.

+ Để thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại” năm 2025 (Quyết định số 273/QĐ-UBND, ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh) nhằm nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại. Tỉnh đã hỗ trợ 484 cơ sở, HTX, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh giới thiệu, quảng bá sản phẩm trên Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh với 2.060 sản phẩm từ thủ công mỹ nghệ, hàng dệt may, gia dụng, nông thủy sản, thực phẩm chế biến và đồ uống... Triển khai “Mô hình Chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt” có hơn 240 tiểu thương tại chợ Vĩnh Long đã đăng ký trở thành điểm chấp nhận thanh toán của Viettel Money, kết nối được với 30 ngân hàng và các ví điện tử, tạo tài khoản Viettel Money để hỗ trợ tiểu thương và khách hàng thực hiện các giao dịch chuyển nạp, rút tiền và mua bán trực tuyến nhanh chóng, dễ dàng mọi lúc mọi nơi tại Chợ.

+ Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tỉnh hỗ trợ nhiều chủ thể OCOP nâng cấp công nghệ, bao bì, đạt các tiêu chuẩn quốc tế như ISO, HACCP, đồng thời ứng dụng công nghệ sấy thăng hoa trái cây và chế biến quả nhân nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ vi sinh vào chuỗi liên kết sản xuất nâng cao giá trị nông sản theo hướng hữu cơ bền vững; hỗ trợ 10 chủ thể với 56 sản phẩm OCOP ứng dụng khoa học và công nghệ, áp dụng công cụ cải tiến, thiết kế nhãn hiệu, bao bì và xúc tiến thương mại điện tử; xây dựng và được công nhận đạt chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001, HACCP, ISO 22000, ISO 14001 cho 24 cơ sở sản xuất kinh doanh; hoàn thiện thiết kế, chế tạo thành công một máy sản xuất đá sệt Nano UFB trên tàu lưới kéo xa bờ và tại cơ sở thu mua hải sản và quy trình kỹ thuật bảo quản hải sản bằng đá sệt kết hợp Nano UFB có chất lượng sản phẩm cao hơn 30% so với bảo quản truyền thống và đang đăng ký bảo hộ sáng chế; nghiên cứu tối ưu hóa quy trình thu dịch chiết búp giấm có hàm lượng anthocyanin cao ($46,5 \pm 3,1$ mg/L), hoạt tính chống oxy hóa mạnh ($IC_{50} 3,0 \pm 0,1$ mg/ml) tạo sản phẩm bột hoa búp giấm để sản xuất thạch dừa.

+ Lĩnh vực nông nghiệp, tiếp tục thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao góp phần nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất theo chủ trương, chính sách hỗ trợ sản xuất trong ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ của tỉnh; đã bảo hộ thành công nhãn hiệu “Bưởi da xanh” và “Dừa Xiêm xanh” tại thị trường Canada, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu. Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất quảng bá sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP tại các cuộc hội nghị, hội chợ, triển lãm như Hội chợ mặt trí thức, nhà khoa học và Hội thảo khoa học đóng góp dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ XII, vào ngày 18/01/2025 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Vĩnh Long; Hội chợ thương mại quốc tế Việt Nam lần thứ 34

(VIETNAM EXPO 2025), triển lãm HortEx Vietnam 2025. Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long ghi hình và phát sóng các sản phẩm OCOP 3 sao, 04 sao của 31 chủ thể với 6 sản phẩm.

+ Toàn tỉnh có 46 tổ chức KH&CN và 13 doanh nghiệp KH&CN đang hoạt động. Trong hoạt động sở hữu trí tuệ, tỉnh có 105 nhãn hiệu cộng đồng còn hiệu lực bảo hộ, trong đó: có 02 nhãn hiệu chứng nhận ngoài nước tại Canada và 103 nhãn hiệu trong nước, gồm: 11 chỉ dẫn địa lý, 24 nhãn hiệu chứng nhận, 68 nhãn hiệu tập thể. Tỉnh đã bảo hộ thành công nhãn hiệu “Bưởi da xanh” và “Dừa Xiêm xanh” tại thị trường Canada, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu.

+ Tỉnh có 14 doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó: có 11 doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và 03 doanh nghiệp chuyển đổi số (01 doanh nghiệp đạt mức độ 4 và 02 doanh nghiệp đạt mức độ 5). Có 02 doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia còn hiệu lực; 02 doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024; 05 doanh nghiệp trong danh sách xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2024.

+ Triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Tỉnh đã tổ chức Lễ phát động Chương trình năm 2025, đã thu hút hàng nghìn đại biểu, người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, với hơn 5.152 tên miền “.vn” mới được đăng ký, lũy kế đến nay có 9.108 tên miền “.vn” còn đang hoạt động.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

+ Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa sự hợp tác của viện - trường, các chương trình nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, từng bước thiết lập cơ sở dữ liệu KH&CN của tỉnh, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cộng đồng khoa học mở trong và ngoài nước.

+ Thực hiện ký kết Chương trình hợp tác giai đoạn 2025 – 2030 giữa Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, với các nội dung như: Hợp tác về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Phối hợp đào tạo trình độ sau đại học; đại học hệ chính quy, văn bằng 2, vừa làm vừa học và đào tạo ngắn hạn, tập huấn bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho cán bộ, quản lý, phân tích và thực thi chính sách ở các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý liên quan; Phối hợp thực hiện các nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Phối hợp đề xuất, thực thi, triển khai và đánh giá hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; kiến nghị cấp trung ương các chính sách phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh; Phối hợp tham gia và phản biện các chính sách do Đảng và Chính phủ ban hành liên quan đến tỉnh Vĩnh Long; các chính sách do địa phương ban hành nhằm giải quyết các vấn đề của địa phương; các chính sách và các chương trình nghiên cứu do các tổ chức, cá nhân khác đề xuất, thực hiện liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Trường Đại học Trà Vinh thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần Giáo dục Quốc tế Sun Edu, Faraday-tech trong lĩnh vực đào tạo vi mạch bán dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết giữa học lý thuyết, thực nghiệm với các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tế tại các doanh nghiệp, hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn. Trường Đại học Trà Vinh đã mở chuyên ngành đào tạo Thiết kế vi mạch bán dẫn³¹.

Ngoài ra, tỉnh còn phối hợp các cơ quan, đơn vị, viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổ chức Diễn đàn Mekong về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lần thứ I, các lớp đào tạo trí tuệ nhân tạo, hội thảo chuyên ngành về vi mạch, bán dẫn,...

- Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số:

+ Tỉnh đã ban hành Chương trình công tác của Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Vĩnh Long năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện trong Công an tỉnh; kiện toàn Tổ ứng cứu sự cố an ninh mạng, an toàn thông tin mạng tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 153/KH-CAT-PA05 ngày 28/4/2025 của Giám đốc Công an tỉnh về việc tuyên truyền, quán triệt các quy định về an ninh, an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các hệ thống, thiết bị thuộc dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân.

+ Công tác kiểm tra, rà quét: Tổ chức rà soát 39 tên miền có chuỗi ký tự “vinhlong” trên không gian mạng. Qua rà soát chưa phát hiện hoạt động lợi dụng tên miền giả mạo website của các cơ quan nhà nước.

+ Công tác giám sát ATTT: Phân công cán bộ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giám sát an toàn toàn thông tin 24/7 đối với Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung (SOC) và Hệ thống giám sát mã độc tập trung (Endpoint) trên địa bàn tỉnh; đánh giá thực trạng các mối đe dọa vào các hệ thống, thiết bị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, qua đó đã trao đổi với đơn vị vận hành để kịp thời xác minh, xử lý các sự kiện.

- Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Giai đoạn cấp bách đến ngày 30/6/2025):

+ Xây dựng, ban hành và công bố mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị theo Quyết định 20/2020/QĐ-TTg và Quyết định số 09/2025/QĐ-TTg

³¹ Năm 2024, nhà trường tuyển mới 350 sinh viên thuộc các nhóm ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật điện - điện tử và Tự động hóa, trong đó khoảng 10% sẽ được định hướng chuyên sâu theo ngành Thiết kế vi mạch bán dẫn.

của Thủ tướng Chính phủ; Kịp thời rà soát quy trình, công bố, công khai danh mục các thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu triển khai, cụ thể: đã ban hành Quyết định công bố mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị (Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 18/6/2025); công bố công khai 2.075 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, trong đó: 1.680 TTHC cấp tỉnh, 305 TTHC cấp xã, 90 TTHC dùng chung cấp tỉnh, cấp xã.

+ Đã chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và đang thực hiện tổ chức lại hệ thống để khai thác, sử dụng hiệu quả.

+ Đã rà soát, khắc phục những hạn chế bất cập để cung cấp 25 dịch vụ công trực tuyến toàn trình tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp 982 dịch vụ công trực tuyến với số lượng hồ sơ trung bình phát sinh 10 hồ sơ/năm/tỉnh; Đã hoàn thành kiểm thử tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia³².

+ Nhanh chóng bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, bố trí nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng đáp ứng yêu cầu Nghị định số 118/2025/NĐ-CP bảo đảm giải quyết TTHC bao gồm cả trực tiếp, trực tuyến 100% thủ tục hành chính phi địa giới cấp tỉnh; nâng cao chất lượng phục vụ và năng suất lao động; tận dụng các trụ sở hiện có sau sáp nhập; thông báo địa chỉ trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công đến các cơ quan, Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long, Cổng Thông tin điện tử tỉnh để thông tin, tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính. Tỉnh đã thực hiện công khai địa chỉ trụ sở, đường dây nóng của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp³³. Văn phòng UBND tỉnh đã thông báo số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (mới). Bố trí hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công trên cơ sở kế thừa sử dụng các trang thiết bị của cấp huyện và đơn vị cấp xã cũ.

+ Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến đang cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đã tích hợp lên Cổng DVCQG là 1.498.

+ Khắc phục ngay các bất cập, hạn chế về chất lượng dịch vụ công trực tuyến, chuẩn bị sẵn sàng hạ tầng số dùng chung, bảo đảm hiệu quả, thông suốt, không bị gián đoạn khi thực hiện đóng giao diện Cổng dịch vụ công cấp tỉnh và sắp xếp đơn vị hành chính, triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Hạ tầng DC/cloud phục vụ cài đặt, vận hành các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp được triển khai trên hạ tầng cloud của tập đoàn VNPT; Đường truyền mạng kết nối thông suốt đến mạng internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước (tối thiểu 300Mbps); Hệ thống thông tin giải quyết TTHC giai đoạn đầu được vận

³² Phụ lục Công văn 5085/VPCP-KSTT, ngày 09/6/2025 của Văn phòng Chính phủ.

³³ Công văn số 1300/VPUBND-PVHCC ngày 25/6/2025 của Văn phòng UBND tỉnh.

hành tại hạ tầng Cloud của Tập đoàn VNPT, đảm bảo an toàn thông tin theo quy định. Hiện tại, chưa phát sinh các bất cập, hạn chế.

+ Đã rà soát, đánh giá và thống nhất phương án lựa chọn để triển khai nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và triển khai Công Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất³⁴.

+ Hoàn thành đánh giá, lựa chọn các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành sẽ tiếp tục sử dụng; có phương án phù hợp để bảo đảm khai thác, sử dụng, tra cứu thông tin, dữ liệu đối với các hệ thống không được lựa chọn.

+ Hoàn thành bàn giao hồ sơ, số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của chính quyền cấp huyện để tái sử dụng thông tin, dữ liệu, tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Hiện tại kết quả giải quyết TTHC được lưu trữ tại Kho Quản lý dữ liệu điện tử tổ chức cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Tập huấn, bồi dưỡng cho hơn 4.127 lượt CCVC về chuyển đổi số theo hướng thực chiến, tập trung vào kỹ năng vận hành các hệ thống cụ thể và xử lý quy trình nghiệp vụ mới, có phân loại đối tượng như: lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo phòng/trung tâm của xã, chuyên viên các phòng chuyên môn, bộ phận phụ trách văn thư, tiếp nhận hồ sơ TTHC của UBND 124 xã, phường.

Thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của các “Tổ công nghệ số cộng đồng”, “Đội hỗ trợ phản ứng nhanh” để thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân tại cơ sở.

Bố trí dự phòng ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp đáp ứng đầy đủ nhu cầu cấp bách phát sinh ngoài dự toán cho chuyển đổi số và công nghệ thông tin. Cụ thể đã có 2 nội dung liên quan đã bố trí kinh phí, đề nghị ngân sách trung ương bố trí kinh phí để đáp ứng nhu cầu phát sinh, gồm: Bổ sung kinh phí cho Công an tỉnh thực hiện nhiệm vụ an ninh mạng được chuyển từ Sở KH&CN sang; Đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ số hóa tài liệu cho cấp huyện theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời các kế hoạch thực hiện thực Nghị quyết 57 có bố trí ít nhất 1% chi ngân sách địa phương chi cho khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt 2% GRDP³⁵.

Chủ động ban hành quy định tạm thời về việc giao quyền chủ đầu tư cho các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp bách: Dự toán thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, chuyển đổi số được giao cho ngành, địa phương (đồng thời là chủ đầu tư) thực hiện từ đầu năm 2025; các nhiệm vụ phát sinh cũng đã được dự kiến, khi có nguồn vốn sẽ phân bổ thực hiện (vốn chi thường xuyên); theo đó, tỉnh sẽ giao cho các đơn vị dự toán thực hiện nhiệm vụ làm chủ đầu tư theo quy

³⁴ Công văn số 4719/UBND VX, ngày 14/06/2025; Công văn số 4627/UBND VX, ngày 13/6/2025.

³⁵ Kế hoạch số 385-KH/TU ngày 29/4/2025.

định. Trường hợp có thực hiện dự án, tỉnh sẽ quyết định việc giao chủ đầu tư thực hiện đảm bảo việc triển khai, quản lý dự án được phù hợp với tính chất của từng dự án và triển khai hoàn thành dự án theo quy định. Đối với dự án lĩnh vực đầu tư công, tỉnh đang thực hiện 01 dự án chuyển tiếp (không có dự án khởi công mới) và đến nay, ngành Khoa học và Công nghệ, các ngành liên quan không có đề xuất dự án cấp bách để thực hiện. Tỉnh đã ban hành các nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, sử dụng và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2025

Tổng kinh phí: 233.256 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu đồng*). Trong đó:

- Nguồn kinh phí ngân sách trung ương: 1.800 triệu đồng (*Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng*).

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước địa phương: 231.456 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi một tỷ bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

Trong đó:

- + Chi nhiệm vụ khoa học: 127.867 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu đồng*).

- + Chi các hoạt động KHCN phục vụ QLNN: 14.172 triệu đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ một trăm bảy mươi hai triệu đồng*).

- + Chi các đơn vị sự nghiệp: 33.064 triệu đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu đồng*).

- + Chi công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất- kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ: 20.682 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu đồng*).

- + Chi khác: 23.694 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu đồng*).

- + Chi nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết 57-NQ/TW: 11.977 triệu đồng (*Bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết quả đạt được

- Các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành và áp dụng kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy công bằng trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng,

chuyển giao công nghệ được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Bản tin TBT (Thông báo về các rào cản kỹ thuật trong thương mại) được phát hành đều đặn hàng tháng đến các doanh nghiệp, giúp các đơn vị sản xuất, kinh doanh nắm bắt kịp thời những thay đổi trong quy định kỹ thuật của các nước thành viên WTO. Đây là công cụ thiết thực giúp doanh nghiệp tỉnh chủ động ứng phó, giảm thiểu rủi ro và hạn chế thiệt hại từ các rào cản kỹ thuật, đặc biệt đối với các ngành công nghiệp chủ lực và sản phẩm xuất khẩu chủ lực của tỉnh.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, tập trung vào xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý điều hành các nền tảng dùng chung của tỉnh.

- Sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Hoạt động đổi mới sáng tạo hiện vẫn còn là lĩnh vực tương đối mới đối với nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Nhận thức và sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận và khai thác hiệu quả các chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo còn hạn chế, dẫn đến tình trạng nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí cho hoạt động này chưa thực sự thu hút được sự quan tâm, đặc biệt là từ khu vực doanh nghiệp. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo từng bước hình thành với nhiều hoạt động kết nối, đào tạo, ươm tạo ý tưởng và hỗ trợ khởi nghiệp.

- Thực trạng phát triển công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN) còn hạn chế cả về số lượng lẫn phạm vi hoạt động. Mức độ đóng góp của KH&CN vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa cao. Việc đổi mới công nghệ chưa được các doanh nghiệp quan tâm đúng mức, nguyên nhân một phần là do doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đa số có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, dẫn đến năng lực cạnh tranh còn thấp. Sự gắn kết chưa chặt chẽ giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục đại học. Tổ chức KH&CN công lập còn thiếu tự chủ trong hoạt động, phụ thuộc vào cơ chế hỗ trợ của nhà nước là chủ yếu.

- Nhận thức về năng suất chất lượng tại một số doanh nghiệp chưa đầy đủ. Phần lớn doanh nghiệp tỉnh có quy mô hoạt động nhỏ và vừa, một số doanh nghiệp chỉ thực hiện gia công sản phẩm theo yêu cầu khách hàng nên chưa mạnh dạn tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng (Chương trình 1322).

Hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập phần lớn mang tính chất phục vụ cộng đồng không vì lợi nhuận nên không tạo ra dòng tiền ổn định, phần lớn nguồn thu là từ ngân sách nhà nước, các khoản thu sự nghiệp bị giới hạn và phải xin phép; quy định về sử dụng nguồn thu còn nhiều thủ tục gây khó khăn cho việc tái đầu tư dẫn đến nguồn thu thấp; nhiệm vụ làm theo kế hoạch do nhà nước giao nên không thể linh hoạt theo thị trường; thiết bị, máy móc không đủ hiện đại để cung cấp được các dịch vụ chất lượng cao; khó cạnh tranh với các doanh

ng nghiệp công nghệ tư nhân (về nhân lực, công nghệ, tốc độ triển khai,...) khiến cho trung tâm khó cạnh tranh nếu không có cơ chế đặc thù.

- Vẫn còn doanh nghiệp và hợp tác xã chưa quan tâm đến công tác đào tạo về chuyển đổi số nên việc đăng ký nhu cầu đào tạo chưa được nhiều.

3. Đề xuất, kiến nghị các bộ, ngành, trung ương

- Đề xuất: Trung ương tiếp tục có chính sách hỗ trợ nguồn lực tài chính, cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của các Trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh.

- Kiến nghị: Chính phủ và các bộ sớm ban hành các văn bản dưới Luật đề quy định, hướng dẫn về việc thi hành Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/06/2025 có hiệu lực thi hành ngày 01/10/2025.

- Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị (viện, trường) được trung ương giao nhiệm vụ tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, công nghệ số, chuyển giao công nghệ, quản trị trung tâm đổi mới sáng tạo cho đội ngũ quản lý và chuyên viên tại địa phương.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN, ĐMST & CDS NĂM 2026

I. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Tiếp tục thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung phân cấp, phân quyền, ủy quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; rà soát, đề xuất điều chỉnh đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành thuộc lĩnh vực KHCN.

- Tham mưu ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động KHCN, ĐMST, CDS trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh phù hợp với điều kiện tỉnh mới và phù hợp với các luật mới ban hành như Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi), cụ thể như: Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KHCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; cơ chế chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân thúc đẩy hoạt động ĐMST và một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; các quyết định của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Kiên trì thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2026 đạt 02 con số; tiếp tục triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; đánh giá kết quả và tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số quốc gia.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh để tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN đã đưa vào kế hoạch năm 2025, bổ sung năm 2025 và năm 2026 đã được phê duyệt phù hợp với điều kiện tỉnh mới sau hợp nhất.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương thực hiện hoạt động KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở. Đánh giá, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện hoạt động ĐMST; xây dựng nền tảng dùng chung, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và đo lường hoạt động ĐMST.

II. ĐỊNH HƯỚNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

- Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH&CN, ĐMST và CDS quốc gia.

- Tiếp tục phát triển thị trường KH&CN, doanh nghiệp KH&CN. Thúc đẩy khởi nghiệp và khởi nghiệp ĐMST, các mô hình kinh doanh mới. Gắn nhiệm vụ KH&CN&ĐMST với nhiệm vụ hợp tác, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành. Nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng các nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về KH&CN&ĐMST phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Phát triển công nghệ cao, công nghệ chủ chốt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại, tăng tỷ lệ đầu tư công cho các dự án công nghệ.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho các mô hình kinh tế mới: kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức; Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tư nhân.

- Nghiên cứu phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Kết nối với các viện, trường để chuyển giao các công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp (công nghệ sinh học, công nghệ cao,...).

2. Đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Kiên trì thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2026 đạt 02 con số.

- Đánh giá, hướng dẫn các xã, phường thực hiện hoạt động ĐMST; xây dựng nền tảng dùng chung, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và đo lường hoạt động ĐMST.

3. Đánh giá, thẩm định công nghệ

- Thẩm định, có ý kiến, kiểm tra, giám sát về công nghệ của dự án đầu tư theo thẩm quyền.
- Tổ chức đánh giá, lựa chọn, công bố công nghệ tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- Tổ chức thực hiện công tác thống kê về chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật, xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ.
- Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ và cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.
- Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.

4. Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

- a) Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn chất lượng
 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.
 - Tổ chức 05 lớp đào tạo tập huấn chuyên gia đánh giá nội bộ HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015; Kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.
 - Tổ chức 01 hội nghị triển khai Quyết định ban hành Kế hoạch duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong năm 2026.
 - Tổ chức 07 lớp đào tạo duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
 - Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện tại các cơ quan, đơn vị áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
 - Tiếp tục tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (Chương trình 1322); Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100).
 - Triển khai Kế hoạch Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2026.
 - Hàng tuần, chọn lọc các tin, bài tin và bản tin liên quan đến hoạt động TBT gửi các doanh nghiệp qua hộp thư điện tử.
 - Xây dựng và phát hành Bản tin về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Bản tin TBT) hàng tháng.
 - Hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, ghi nhãn hàng

hóa và đăng ký mã số mã vạch theo yêu cầu.

- Tổ chức 10 lượt kiểm tra chất lượng đối với các đối tượng quản lý; 01 lượt khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra hàng hóa lưu thông trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác quản lý nhà nước về đo lường

- Tổ chức hội nghị, lớp tập huấn cho các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo.

- Tổ chức kiểm tra về đo lường đối với các đối tượng quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

5. Sở hữu trí tuệ

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ; tổ chức hội nghị, hội thảo và tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực về nhận diện, quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nhãn hiệu đã được bảo hộ độc quyền. Hướng dẫn các tổ chức kinh tế tra cứu, đăng ký nhãn hiệu.

- Tổ chức thẩm định, cấp giấy phép sử dụng và khai thác nhãn hiệu cộng đồng đang còn hiệu lực bảo hộ do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 14/05/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua ĐMST và chuyển đổi số”; tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét, đánh giá hiệu quả và phạm vi áp dụng của sáng kiến và hiệu quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo và tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực ứng dụng năng lượng nguyên tử, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân cho các tổ chức có sử dụng thiết bị bức xạ.

- Cấp mới, gia hạn, chỉnh sửa, bổ sung giấy phép sử dụng an toàn thiết bị bức xạ và chứng chỉ nhân viên bức xạ theo yêu cầu. Tổ chức kiểm tra tình hình chấp hành các hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở có sử dụng thiết bị bức xạ.

- Tập trung phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

7. Công tác thông tin và thống kê KH&CN

- Phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã nghiệm thu, mô hình kinh doanh mới, các ứng dụng tiên bộ KH&CN và đổi mới công nghệ trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long; đăng tin, bài trên

Trang thông tin Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tiếp tục duy trì thực hiện việc xuất bản các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp và ĐMST, biên soạn và phát hành kỷ yếu ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ, biên soạn và phát hành sổ tay từ kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ nhằm tuyên truyền những thành tựu khoa học và công nghệ đến các tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện thu thập thông tin điều tra thống kê khoa học công nghệ; cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định,...

8. Bưu chính, viễn thông, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số

- Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện của Ban Chỉ đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo tỉnh, bộ, ngành, trung ương và của UBND tỉnh.

- Tiếp tục phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; phát huy hiệu quả chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh; tập trung xây dựng và hoàn thiện mạng dùng riêng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; nâng cấp bổ sung hạ tầng kỹ thuật hiện có trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa và tương thích nhằm phát huy hiệu quả cao nhất góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế, giảm nghèo nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế.

- Tiếp tục phát triển và duy trì mạng lưới bưu chính công cộng đảm bảo cung ứng dịch vụ bưu chính công ích cho người dân; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ bưu chính, viễn thông, internet phục vụ nhu cầu của người dân. Tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng băng rộng chất lượng cao, đặc biệt là đẩy nhanh triển khai cung cấp dịch vụ mạng 5G.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch: kế hoạch chuyển đổi số, kế hoạch thực hiện kinh tế số, xã hội số,...phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là người dân nông thôn, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số; từng bước xây dựng cộng đồng học tập suốt đời trong môi trường số, góp phần phát triển xã hội số toàn diện, đồng bộ trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin, các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo từng đối tượng và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số cho lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

- Tiếp tục triển khai quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; rà soát kết nối hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành lĩnh vực với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền vai trò quan trọng của chuyển đổi số và ATTT mạng để doanh nghiệp và người dân hiểu, nhận thấy lợi ích mà chuyển đổi số mang lại từ đó tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh; ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến; triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; triển khai các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục duy trì các ứng dụng, nền tảng số đã triển khai; cập nhật dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung của tỉnh; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương.

- Tiếp tục rà soát đảm bảo 100% ấp, khóm, khu được phủ sóng băng rộng di động (tính theo vùng phủ có dân cư sinh sống), được phủ băng rộng cố định (FTTH), đảm bảo yêu cầu về chất lượng dịch vụ; cơ bản hoàn thành việc bó gọn cáp viễn thông.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ chuyển đổi số, nhất là hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia (gồm: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp).

- Nâng cấp, phát triển hạ tầng, dịch vụ, trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số; triển khai sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng làm mạng truyền dẫn phục vụ triển khai các nền tảng, dịch vụ chính quyền số để đảm bảo an toàn thông tin.

9. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KHCN, ĐMST & CDS

Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên

cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ; đẩy mạnh kết nối cung cầu công nghệ để giới thiệu các thành tựu khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tranh thủ tối đa sự hợp tác của viện - trường, các chương trình nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, từng bước thiết lập cơ sở dữ liệu KH&CN của tỉnh, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cộng đồng khoa học mở trong và ngoài nước.

III. CÔNG TÁC QUY HOẠCH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TRỌNG DỤNG, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KH&CN

- Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN; thực hiện Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Triển khai phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong thời kỳ 2026-2030.

- Triển khai các chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và nguồn nhân lực KH&CN cho các bộ, ngành, địa phương phục vụ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực số, kỹ năng số, công nghệ số; Đào tạo theo vị trí việc làm, theo từng nhóm đối tượng và theo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN, ĐMST & CDS NĂM 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ TOÁN

- Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi);
- Luật Chuyển giao công nghệ;
- Luật Đo lường;
- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật Công nghiệp công nghệ số;
- Luật Công nghệ cao;
- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;
- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Luật Năng lượng nguyên tử và Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi);
- Luật Đầu tư công và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;
- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định này;
- Các chiến lược, chương trình, đề án do Thủ tướng Chính phủ ban hành, bao gồm:
 - (i) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và định hướng kế hoạch tài chính quốc gia giai đoạn 2026-2030;
 - (ii) Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021);
 - (iii) Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021);
 - (iv) Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022);
 - (v) Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024);
 - (vi) Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030

và tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024);

(vii) Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020);

(viii) Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020);

(ix) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Quyết định 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020);

(x) Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021);

(xi) Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021);

(xii) Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021);

(xiii) Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2025);

(xiv) Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57 - NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030” (Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025);

(xv) Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 và Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022);

(xvi) Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022);

(xvii) Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024);

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

- Công văn số 8324/BTC-TH ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về xây

dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026.

II. DỰ TOÁN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

Tổng kinh phí đầu tư cho KHCN, ĐMST & CDS năm 2026, như sau:

Tổng kinh phí: 819.289 triệu đồng (*Bằng chữ: Tám trăm mười chín tỷ hai trăm tám mươi chín triệu đồng*).

Trong đó:

* Chi thường xuyên: 804.289 triệu đồng (*Bằng chữ: Tám trăm lẻ bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu đồng*).

- Ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp): 130.590 triệu đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp): 673.699 triệu đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi ba tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu đồng*).

* Vốn đầu tư (Ngân sách địa phương): 15.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng*).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Trên đây là kế hoạch và dự toán ngân sách KHCN, ĐMST & CDS năm 2026 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến Bộ KH&CN theo dõi và hỗ trợ thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Phát triển địa phương, Bộ KH&CN;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TG&DV Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở KHCN;
- Sở Tài chính;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện